

Điều 1

Mục đích

Mục đích của Công ước này là thúc đẩy hợp tác để ngăn ngừa và chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả hơn.

Điều 2

Các thuật ngữ được sử dụng

Trong Công ước này, các thuật ngữ sau sẽ được hiểu là:

- (a) "Nhóm tội phạm có tổ chức" nghĩa là một nhóm có cơ cấu gồm từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm giành được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác;
- (b) "Tội phạm nghiêm trọng" nghĩa là một hành vi vi phạm có thể bị trừng phạt theo khung hình phạt tù ít nhất là 4 năm hoặc một hình phạt nặng hơn;
- (c) "Nhóm có cơ cấu" nghĩa là một nhóm không phải được hình thành một cách ngẫu nhiên để thực hiện một hành vi phạm tội tức thời và không nhất thiết là vai trò của các thành viên trong nhóm phải được xác định rõ ràng, quan hệ giữa các thành viên phải duy trì hoặc cơ cấu của nhóm phải được phát triển.
- (d) "Tài sản" nghĩa là mọi loại của cải, dù là vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay vô hình và các văn bản hay văn kiện pháp lý là bằng chứng cho quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với những của cải đó;
- (e) "Tài sản do phạm tội mà có" nghĩa là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội ;
- (f) "Phong toả" hoặc "tạm giữ" nghĩa là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, chuyển nhượng hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời giám sát hay kiểm soát tài sản theo lệnh của toà án hay một cơ quan có thẩm quyền khác;
- (g) "Tịch thu", bao gồm cả việc tước đoạt, nghĩa là việc tước bỏ vĩnh viễn quyền sở hữu tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;
- (h) "Hành vi phạm tội nguồn" nghĩa là bất kỳ một hành vi phạm tội nào dẫn đến việc làm phát sinh những tài sản có thể trở thành đối tượng của hành vi phạm tội được quy định trong Điều 4 của Công ước này.
- (i) "Văn chuyển có kiểm soát" nghĩa là việc cho phép những hàng hoá ký gửi bất hợp pháp hoặc bị nghi ngờ được chuyển qua hoặc vào lãnh thổ của một hay nhiều nước nhưng đặt dưới sự theo dõi hoặc giám sát của các cơ quan có thẩm quyền những nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan trong việc thực hiện hành vi phạm tội đó;
- (j) "Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực" nghĩa là một tổ chức do các quốc gia có chủ quyền trong một khu vực thành lập nên, được các quốc gia đó trao cho thẩm quyền đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này, được uỷ quyền hợp lệ, theo đúng những thủ tục nội bộ của tổ chức đó, để ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước; các "Quốc gia thành viên" được đề cập đến trong Công ước này cũng sẽ được hiểu là bao gồm cả những tổ chức đó trong phạm vi thẩm quyền của họ.

Điều 3

Phạm vi áp dụng

1. Trừ khi có quy định khác, Công ước này sẽ áp dụng đối với việc ngăn ngừa, điều tra và truy tố:

- (a) Các hành vi phạm tội được quy định trong các Điều 5, 6, 8 và 23 Công ước này; và
- (b) Tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 Công ước này; khi các hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia và liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Vì mục đích của Khoản 1 điều này, một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu:

- (a) Nó được thực hiện ở nhiều quốc gia;
- (b) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác;
- (c) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động phạm tội ở nhiều quốc gia; hoặc
- (d) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.

Điều 4

Bảo vệ chủ quyền

1. Các quốc gia thành viên thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Công ước này phù hợp với những nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

2. Không quy định nào trong Công ước này cho phép một quốc gia thành viên được tiến hành trên lãnh thổ của quốc gia khác các hoạt động thực thi quyền tài phán và thi hành các chức năng chỉ dành riêng cho những cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó theo pháp luật trong nước của họ.

Điều 5

Hình sự hoá việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi những hành vi này được thực hiện một cách cố ý:

(a) Một hoặc cả hai hành vi dưới đây mà không phải là những hành vi thực hiện hoặc hoàn thành hoạt động tội phạm:

(i) Thoả thuận với một hoặc nhiều người khác để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng nhằm mục đích liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đạt được lợi ích tài chính hoặc vật chất khác, và liên quan đến một hành vi do một thành viên thực hiện để thực hiện thoả thuận hoặc liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức, nếu pháp luật trong nước quy định như vậy;

(ii) Hành vi của một người nhận thức được hoặc mục đích và hành vi phạm tội nói chung của một nhóm tội phạm có tổ chức hoặc ý định phạm tội của nhóm đó nhưng vẫn đóng vai trò tích cực trong:

a. Những hoạt động tội phạm của nhóm tội phạm có tổ chức đó;

b. Những hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức đó với nhận thức rằng việc tham gia của họ sẽ đóng góp vào việc đạt được mục đích phạm tội nói trên;

(b) Việc tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện hoặc xúi giục việc thực hiện tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Sự nhận thức, ý định, mục đích, mục tiêu hoặc thoả thuận được đề cập tại khoản 1 của điều này có thể được suy ra từ hoàn cảnh khách quan cụ thể.

3. Các Quốc gia thành viên mà pháp luật trong nước yêu cầu phải có yếu tố liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức khi thực hiện các hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này đảm bảo rằng pháp luật trong nước của họ sẽ điều chỉnh tất cả các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức. Những Quốc gia thành viên này, cũng như những Quốc gia mà pháp luật trong nước của họ yêu cầu phải có hành vi để thực hiện thoả thuận để thực hiện hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này, sẽ thông báo về vấn đề trên cho Tổng thư ký Liên hợp quốc khi quốc gia đó ký hoặc lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc gia nhập Công ước.

Điều 6

Hình sự hoá hành vi hợp pháp hoá tài sản do phạm tội mà có

1. Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật trong nước của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hoặc những biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản, dù biết rằng những tài sản này do phạm tội mà có, nhằm che giấu hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi vi phạm nguồn gốc tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

(ii) Che giấu hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có;

(b) Tuỳ theo những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp lý của quốc gia:

(i) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của điều này.

2. Để thực hiện hay áp dụng Khoản 1 của điều này:

(a) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ tìm cách áp dụng Khoản 1 Điều này ở phạm vi rộng nhất của các hành vi vi phạm nguồn;

(b) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ coi cả những tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 của Công ước này và những hành vi phạm tội quy định tại Điều 5, 8 và 23 là những hành vi phạm tội nguồn. Đối với các Quốc gia thành viên mà luật pháp của họ định rõ một danh sách các hành vi phạm tội nguồn cụ thể, thì ít nhất họ sẽ gộp vào trong danh sách này một phạm vi tổng thể các hành vi phạm tội có liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức;

(c) Vì mục đích của Mục (b), những hành vi vi phạm nguồn sẽ bao gồm những hành vi phạm tội được thực hiện nằm trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của Quốc gia thành viên liên quan. Tuy nhiên, những hành vi phạm tội được thực hiện ngoài phạm vi quyền tài phán của một Quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành hành vi phạm tội nguồn khi hành vi có liên quan là một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia nơi hành vi đó được thực hiện và là một hành vi tội phạm theo pháp luật trong

nước của Quốc gia thành viên đang thực hiện hay áp dụng điều này nếu như hành vi đó được thực hiện ở Quốc gia này;

(d) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc các bản sao luật của họ quy định việc áp dụng điều này và bản sao của bất cứ sửa đổi nào liên quan đến những luật này hoặc những văn bản hướng dẫn những luật này.

(e) Nếu những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước của một Quốc gia thành viên đòi hỏi thì có thể quy định rằng những hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những người đã thực hiện những hành vi phạm tội nguồn;

(f) Sự nhận thức, ý định hay mục đích được coi là yếu tố cấu thành hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này có thể được suy ra từ những hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 7

Các biện pháp chống rửa tiền

1. Mỗi Quốc gia thành viên:

(a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một thể chế điều chỉnh và giám sát tổng thể trong nước đối với các ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng và cả các cơ quan khác đặc biệt để liên quan đến việc rửa tiền nếu cần, để ngăn ngừa và phát hiện tất cả các hình thức rửa tiền, thể chế này sẽ nhấn mạnh đến những yêu cầu về nhận dạng khách hàng, lưu trữ hồ sơ và báo cáo về những giao dịch có nghi vấn;

(b) Không làm phương hại tới các Điều 18 và 27 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, lập quy, hành pháp và các cơ quan chống rửa tiền khác (kể cả những cơ quan tư pháp nếu pháp luật trong nước quy định) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp độ quốc gia và quốc tế, trong phạm vi các quy định của pháp luật trong nước và để đạt được mục tiêu này sẽ xem xét việc thành lập cơ quan tình báo tài chính hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về nguy cơ rửa tiền.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng những biện pháp khả thi để phát hiện và giám sát việc chuyển tiền và các giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền qua biên giới của họ theo cơ chế an ninh để bảo đảm việc sử dụng đúng đắn các thông tin và không cản trở việc vận chuyển vốn hợp pháp dưới mọi hình thức. Những biện pháp này có thể bao gồm cả việc yêu cầu các cá nhân và doanh nghiệp báo cáo về các hoạt động chuyển giao tiền và những giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền với số lượng lớn qua biên giới.

3. Không làm phương hại tới bất cứ quy định nào của Công ước này, khi thiết lập thể chế điều chỉnh và giám sát theo các quy định của Điều này, các quốc gia thành viên nên sử dụng những sáng kiến thích hợp về chống rửa tiền của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là phương hướng hành động.

4. Các quốc gia thành viên sẽ cố gắng phát triển và thúc đẩy hợp tác toàn cầu, khu vực, tiểu khu vực và song phương giữa các cơ quan tư pháp, hành pháp và điều chỉnh tài chính để chống rửa tiền.

Điều 8

Hình sự hoá hành vi tham nhũng

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho viên chức nhà nước một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình;

(b) Gợi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của viên chức nhà nước đối với một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để xác định trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện những hành vi được đề cập đến tại Khoản 1 Điều này có dính líu đến một viên chức nhà nước nước ngoài hoặc một viên chức dân sự quốc tế. Tương tự, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định trách nhiệm hình sự đối với những hình thức tham nhũng khác.

3. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ ban hành những biện pháp cần thiết nói trên để coi sự tham gia với tư cách là đồng phạm trong việc thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại điều này là tội phạm.

4. Vì mục đích của Khoản 1 Điều này và Điều 9, "viên chức nhà nước" nghĩa là một viên chức nhà nước hoặc một người thực hiện công vụ được định nghĩa theo pháp luật trong nước và được áp dụng trong luật hình sự của Quốc gia thành viên mà tại đó người được nói đến thực hiện chức năng này.

Điều 9

Những biện pháp chống tham nhũng

1. Ngoài những biện pháp nêu trong Điều 8 Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật, những biện pháp hành chính hay những biện pháp có hiệu quả khác trong phạm vi thích hợp và phù hợp với hệ thống luật pháp của quốc gia đó để tăng cường sự chính trực và để ngăn ngừa, phát hiện và trừng trị hành vi tham nhũng của các viên chức nhà nước.
2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp để bảo đảm các cơ quan của quốc gia đó hoạt động có hiệu quả trong việc ngăn ngừa, phát hiện và trừng trị hành vi tham nhũng của các viên chức nhà nước, bao gồm cả việc trao cho những cơ quan này một tư cách độc lập đủ để chống lại những tác động sai trái đến hoạt động của chúng.

Điều 10

Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành những biện pháp cần thiết phù hợp với những nguyên tắc pháp lý của họ, để xác định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân trong việc tham gia các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức và trong việc thực hiện những hành vi phạm tội được xác định tại điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này.
2. Tuỳ theo những nguyên tắc pháp lý của Quốc gia thành viên, trách nhiệm pháp lý của pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hay hành chính.
3. Trách nhiệm pháp lý này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các cá nhân thực hiện các hành vi phạm tội.
4. Cụ thể, mỗi Quốc gia thành viên sẽ đảm bảo rằng các pháp nhân chịu trách nhiệm pháp lý theo điều này phải chịu các hình phạt hình sự hay phi hình sự có tính hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, bao gồm cả những hình phạt bằng tiền.

Điều 11

Truy tố, xét xử và trừng phạt

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ bảo đảm việc thực hiện hành vi phạm tội được xác định theo điều 5, 6, 8, 23 của Công ước này phải bị trừng phạt, có tính đến mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội đó.
2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cố gắng để đảm bảo rằng bất cứ quyền tự do pháp lý nào theo quy định trong pháp luật trong nước của quốc gia đó về việc truy tố các cá nhân vì các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này phải được thực hiện để tối đa hoá hiệu quả của các biện pháp hành pháp đối với những hành vi phạm tội và có tính đến sự cần thiết phải ngăn chặn việc thực hiện những hành vi phạm tội như vậy.
3. Trong trường hợp những hành vi phạm tội được xác định tại các điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp thích hợp, phù hợp với pháp luật trong nước và có cân nhắc đầy đủ đến các quyền được bào chữa, để bảo đảm rằng những điều kiện đặt ra liên quan tới các quyết định cho tại ngoại trong thời gian chờ xét xử hoặc phúc thẩm có tính đến sự cần thiết phải bảo đảm sự hiện diện của bị cáo trong quá trình tố tụng hình sự tiếp sau.
4. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ đảm bảo rằng các toà hay cơ quan có thẩm quyền của họ nhận thức được tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi cân nhắc việc cho phép tạm tha sớm hay phóng thích người bị kết án về tội này.
5. Mỗi Quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ quy định trong pháp luật trong nước một khung thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự dài để truy cứu bất cứ hành vi phạm tội nào được Công ước này điều chỉnh và một thời hạn lâu hơn nếu người bị tình nghi là tội phạm lẩn tránh việc thực thi công lý.
6. Không có quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến nguyên tắc việc quy định cụ thể các hành vi phạm tội theo Công ước này và việc bào chữa theo pháp luật hiện hành hoặc các nguyên tắc pháp lý khác xác định tính hợp pháp của hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật trong nước mỗi Quốc gia thành viên quyết định và những hành vi phạm tội như vậy sẽ bị truy tố và trừng trị theo luật đó.

Điều 12

Tịch thu và tạm giữ

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước những biện pháp cần thiết để cho phép tịch thu:
 - (a) Tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh hay những tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có;
 - (b) Tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được sử dụng hay được dự định sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.
2. Các Quốc gia thành viên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để cho phép xác định, truy nguyên, phong toả hay tạm giữ bất kỳ mục nào được đề cập đến tại Khoản 1 của Điều này nhằm thực hiện được việc tịch thu.

3. Nếu những tài sản do phạm tội mà có được biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hay toàn bộ, thành một tài sản khác thì tài sản này sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập đến trong Điều này thay cho những tài sản do phạm tội mà có.

4. Nếu những tài sản do phạm tội mà có đã được gộp với những tài sản có nguồn gốc hợp pháp thì những tài sản này, không cản trở đến bất cứ quyền niêm phong hay tạm giữ nào, sẽ bị tịch thu theo giá trị tương đương số tài sản đã được gộp trước đó.

5. Thu nhập hay lợi nhuận khác thu được từ tài sản do phạm tội mà có, từ những tài sản do vật hoặc tiền do phạm tội mà có biến đổi hay chuyển đổi thành hay từ tài sản mà vật hoặc tiền do phạm tội mà có được gộp vào, cũng sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập trong Điều này theo cùng phương thức và mức độ áp dụng đối với tài sản do phạm tội mà có.

6. Vì mục đích của Điều này và Điều 13, mỗi Quốc gia thành viên sẽ trao cho các toà án của mình hay các cơ quan có thẩm quyền khác quyền lực để ra lệnh nộp hay thu giữ các tài liệu về ngân hàng, tài chính, thương mại. Các Quốc gia thành viên sẽ không không từ chối thực hiện các quy định của khoản này vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

7. Các Quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu bị cáo chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị nghi là do phạm tội mà có hoặc những tài sản sẽ bị tịch thu khác, trong chừng mực phù hợp với những nguyên tắc của pháp luật trong nước và với tính chất của các trình tự xét xử và thủ tục tố tụng khác.

8. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

9. Không quy định nào trong Điều này ảnh hưởng đến nguyên tắc việc xác định và áp dụng các biện pháp nêu trong Điều này phải phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên.

Điều 13

Hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản

1. Quốc gia thành viên khi nhận được lời yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được nói đến tại Điều 12 Khoản 1 Công ước này nằm trên lãnh thổ của nước đó, sẽ cố gắng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước cho phép:

(a) Chuyển yêu cầu này đến các cơ quan có thẩm quyền trong nước để phát lệnh tịch thu và, nếu lệnh này được ban ra, thực hiện lệnh đó; hoặc

(b) Chuyển lệnh tịch thu của toà án quốc gia yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 12 Khoản 1 Công ước này nếu lệnh tịch thu đó liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác nêu trong Điều 12 Khoản 1 đang nằm trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tiến hành các biện pháp xác định, truy nguyên và niêm phong hay tạm giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được nêu trong Điều 12 Khoản 1 của Công ước này nhằm thực hiện lệnh tịch thu do Quốc gia thành viên yêu cầu hoặc Quốc gia thành viên được yêu cầu đưa ra căn cứ theo lời yêu cầu quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Các quy định của Điều 18 Công ước này được áp dụng cho Điều này với những sửa đổi cần thiết. Ngoài những thông tin được nói đến tại Điều 18 Khoản 15, các yêu cầu được đưa ra theo Điều này phải bao gồm:

(a) Một bản mô tả về tài sản sẽ bị tịch thu và một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu, để Quốc gia thành viên được yêu cầu có đủ cơ sở phát lệnh tịch thu theo quy định pháp luật trong nước của họ, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (a) Điều này;

(b) Một bản sao lệnh tịch thu được chấp nhận là có giá trị pháp lý mà căn cứ vào đó Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu, một bản trình bày về các tình tiết và thông tin liên quan đến việc thực hiện lệnh tịch thu, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (b) Điều này,

(c) Một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu và một bản trình bày về các hoạt động cần thực hiện, trong trường hợp yêu cầu thuộc Khoản 2 Điều này.

4. Các quyết định hay hoạt động theo quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được Quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện, phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước quốc gia đó và các nguyên tắc về thủ tục của họ hay bất cứ điều ước, hiệp định, thoả thuận song phương hay đa phương nào mà quốc gia đó có thể phải tuân theo trong quan hệ với Quốc gia thành viên yêu cầu.

5. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc bản sao các luật và quy định để Điều này có hiệu lực và bất cứ sửa đổi nào đối với những luật và quy định này hoặc các văn bản hướng dẫn.

6. Nếu một Quốc gia thành viên quyết định tiến hành các biện pháp nói đến tại Khoản 1 và 2 của Điều này với điều kiện phải có điều ước quốc tế liên quan điều chỉnh, Quốc gia thành viên đó sẽ coi Công ước này là cơ sở cần và đủ cho điều kiện nói trên

7. Việc hợp tác theo Điều này có thể bị một Quốc gia thành viên từ chối nếu hành vi phạm tội mà yêu cầu để cấp không phải là một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

8. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ 3 ngay tình.

9. Các Quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc ký kết các điều ước, hiệp định hay thoả thuận song phương và đa phương để tăng cường tính hiệu quả của hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 14

Xử lý tài sản do phạm tội mà có bị tịch thu hoặc tài sản bị tịch thu

1. Tài sản do phạm tội mà có hay tài sản mà một Quốc gia thành viên tịch thu theo Điều 12 hoặc Điều 13 Khoản 1 của Công ước này sẽ do Quốc gia thành viên đó xử lý phù hợp với pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia này.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác theo Điều 13 Công ước này, các Quốc gia thành viên, trong chừng mực pháp luật trong nước cho phép và nếu được đề nghị, sẽ ưu tiên xem xét việc trả lại tài sản do phạm tội mà có hay tài sản cho Quốc gia thành viên yêu cầu để họ có thể đền bù cho các nạn nhân hoặc trả lại những tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp của nó.

3. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Công ước này, một Quốc gia thành viên có thể chú trọng xem xét ký kết các hiệp định hay thoả thuận về:

(a) Việc đóng góp tài sản do phạm tội mà có hay tài sản hoặc tiền của có được từ việc bán chúng hoặc một phần của chúng vào tài khoản được mở theo Điều 30 Khoản 2 (c) Công ước này và cho các cơ quan liên chính phủ chuyên trách chống tội phạm có tổ chức;

(b) Chia sẻ với các Quốc gia thành viên khác, trên cơ sở thường xuyên hoặc theo từng vụ việc, tài sản do phạm tội mà có hay tài sản hoặc tiền của từ việc bán chúng phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia đó.

Điều 15

Quyền tài phán

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua các những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội quy định theo các Điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên đó; hoặc

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện trên boong tàu mang cờ của Quốc gia thành viên đó hoặc trên máy bay đăng ký theo luật của Quốc gia thành viên đó vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

2. Theo quy định tại Điều 4 Công ước này, một Quốc gia thành viên cũng sẽ thiết lập quyền tài phán của mình đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhằm chống lại một công dân của Quốc gia thành viên đó;

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện bởi một công dân của Quốc gia thành viên đó hay một người không quốc tịch thường trú trên lãnh thổ của quốc gia đó; hoặc

(c) Hành vi phạm tội là:

(i) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một tội phạm nghiêm trọng trong lãnh thổ của quốc gia đó;

(ii) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 (b) (ii) Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 6 Khoản 1 điểm (a) (i) hoặc (ii) hay điểm (b) (i) Công ước này trong lãnh thổ quốc gia đó.

3. Vì mục đích của Điều 16 Khoản 10 Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm xuất hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này với lý do họ là công dân của quốc gia đó.

4. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm có mặt trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này.

5. Nếu một Quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán của mình theo Khoản 1 hoặc 2 của Điều này đã được thông báo hoặc bằng một cách khác biết được rằng một hay nhiều Quốc gia thành viên khác

đang tiến hành việc điều tra, truy tố hay xét xử đối với cùng hành vi đó, các cơ quan có thẩm quyền của những Quốc gia thành viên này sẽ, khi thích hợp, tham khảo với nhau để phối hợp hoạt động.

6. Không làm phương hại đến các chuẩn mực của luật pháp quốc tế chung, Công ước này không loại bỏ việc thực hiện quyền tài phán hình sự của một Quốc gia thành viên phù hợp với pháp luật trong nước của quốc gia đó.

Điều 16

Dẫn độ

1. Điều này sẽ áp dụng đối với các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh hoặc trong những trường hợp khi một hành vi phạm tội được đề cập đến trong Điều 2 *bis* Khoản 1 (a) hoặc (b) có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức và người là đối tượng của yêu cầu dẫn độ đang sống ở Quốc gia thành viên được yêu cầu, với điều kiện là hành vi phạm tội dẫn đến việc dẫn độ đáng bị trừng phạt theo pháp luật trong nước của cả quốc gia yêu cầu lẫn quốc gia được yêu cầu.

2. Nếu yêu cầu dẫn độ bao gồm vài tội phạm nghiêm trọng khác nhau, trong đó có một số tội không được Công ước này điều chỉnh, Quốc gia thành viên được yêu cầu vẫn có thể áp dụng Điều này đối với những tội đó.

3. Mỗi hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng cũng sẽ được coi là hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ trong bất cứ điều ước dẫn độ tội phạm nào đã có giữa các Quốc gia thành viên. Các Quốc gia thành viên phải quy định những hành vi phạm tội này là những hành vi phạm tội có thể dẫn độ được trong mọi điều ước quốc tế về dẫn độ sẽ được ký kết giữa họ.

4. Nếu một Quốc gia thành viên dẫn độ theo điều ước nhận được yêu cầu dẫn độ từ một Quốc gia thành viên khác mà giữa họ chưa có điều ước về dẫn độ nào, thì Quốc gia thành viên này có thể coi Công ước này như là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với bất cứ hành vi phạm tội nào mà Điều này áp dụng.

5. Các Quốc gia thành viên dẫn độ theo điều ước sẽ:

(a) Thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc việc họ có lấy Công ước này làm cơ sở pháp lý cho việc hợp tác dẫn độ với các Quốc gia thành viên khác của Công ước này hay không khi nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập Công ước này; và

(b) Cố gắng ký kết các điều ước về dẫn độ với các Quốc gia thành viên khác của Công ước này để thực hiện Điều này khi cần nếu họ không lấy Công ước này làm cơ sở pháp lý cho việc hợp tác dẫn độ.

6. Các Quốc gia thành viên không dẫn độ theo điều ước sẽ công nhận các hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng là những hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ giữa họ.

7. Việc dẫn độ sẽ phải tuân theo các điều kiện được quy định trong pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu hoặc các điều ước về dẫn độ có thể áp dụng được, bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện liên quan đến yêu cầu về mức phạt tối thiểu để dẫn độ và những cơ sở mà Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể từ chối dẫn độ.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ, tuân theo pháp luật trong nước của họ, cố gắng tiến hành các thủ tục dẫn độ và đơn giản hoá các yêu cầu về bằng chứng liên quan đến nó đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào mà Điều này áp dụng.

9. Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu nhận thấy hoàn cảnh đòi hỏi và cấp thiết thì, theo đề nghị Quốc gia thành viên yêu cầu và phù hợp với các quy định pháp luật trong nước cũng như các điều ước về dẫn độ của mình, có thể bắt giữ người cần được dẫn độ mà hiện đang có mặt trên lãnh thổ quốc gia mình hoặc tiến hành những biện pháp thích hợp khác để đảm bảo việc dẫn độ người đó sẽ được thực hiện.

10. Nếu một Quốc gia thành viên nơi bị can về một tội mà điều này áp dụng đang cư trú không dẫn độ người này với lý do là người đó là công dân của mình thì khi nhận được yêu cầu của Quốc gia thành viên muốn dẫn độ sẽ phải chuyển ngay vụ việc này cho các cơ quan có thẩm quyền truy tố. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ đưa ra quyết định của họ và tiến hành tố tụng theo một trình tự thủ tục giống như đối với những hành vi phạm tội khác có cùng mức độ nghiêm trọng phù hợp với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên nói trên. Các Quốc gia thành viên hữu quan sẽ hợp tác với nhau trong quá trình tố tụng và về chứng cứ, để đảm bảo tính hiệu quả của việc truy tố.

11. Khi một Quốc gia thành viên được phép dẫn độ hoặc chuyển giao công dân của mình theo quy định của pháp luật trong nước, với điều kiện sau khi xét xử công dân đó phải trở về thi hành án tại Quốc gia đó và Quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ cũng đồng ý với điều kiện này cũng như những điều kiện thích hợp khác, thì việc dẫn độ hoặc chuyển giao có điều kiện nói trên coi như đã thoả mãn các nghĩa vụ quy định tại Khoản 10 Điều này.

12. Nếu một Quốc gia từ chối yêu cầu dẫn độ thi hành án với lý do người bị dẫn độ là công dân của mình thì Quốc gia đó, theo đề nghị của Quốc gia yêu cầu dẫn độ và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, sẽ xem xét việc thi hành toàn bộ hoặc một phần còn lại của hình phạt theo bản án của Quốc gia yêu cầu.

13. Bất cứ người nào đang là đối tượng của việc tố tụng về mọi kỳ hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng sẽ được bảo đảm sự đối xử công minh trong mọi giai đoạn tố tụng, bao gồm việc hưởng đầy đủ các quyền và những đảm bảo theo quy định pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên nơi người đó cư trú.

14. Không quy định nào trong Công ước này được giải thích là áp đặt nghĩa vụ dẫn độ nếu như Quốc gia thành viên được yêu cầu có đủ cơ sở để tin rằng yêu cầu được đưa ra nhằm truy tố hay trừng trị một người vì lý do giới tính, tôn giáo, chủng tộc, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc hay quan điểm chính trị của người đó hoặc việc thực hiện yêu cầu sẽ làm phương hại đến quan điểm của người đó về một trong những lý do trên.

15. Các Quốc gia thành viên có thể từ chối yêu cầu dẫn độ với lý do hành vi phạm tội cũng liên quan đến vấn đề tài chính quốc gia.

16. Trước khi từ chối dẫn độ, Quốc gia được yêu cầu, nếu thích hợp, sẽ tham khảo Quốc gia yêu cầu để Quốc gia này có thể bày tỏ quan điểm và cung cấp thông tin liên quan đến nghi vấn của họ.

17. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương để thực hiện hoặc tăng cường mức độ hiệu quả của việc dẫn độ.

Điều 17

Chuyển giao người bị kết án

Các Quốc gia thành viên có thể xem xét tham gia các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc chuyển giao vào lãnh thổ của họ những người bị phạt tù hoặc những hình phạt tước bỏ quyền tự do khác vì những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, để những người này có thể chấp hành xong bản án của họ ở lãnh thổ quốc gia đó.

Điều 18

Tương trợ pháp lý

1. Các Quốc gia thành viên sẽ thực hiện tương trợ pháp lý hiệu quả nhất cho một Quốc gia thành viên khác trong việc điều tra, truy tố và xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội được quy định tại Điều 3 Công ước và sẽ thực hiện tương trợ pháp lý tương tự cho một Quốc gia thành viên khác nếu Quốc gia thành viên đó có các lý do chính đáng để nghi ngờ hành vi phạm tội như được nêu trong Điều 3, Khoản 1 (a) hoặc (b), có tính chất xuyên quốc gia, bao gồm việc các nạn nhân, nhân chứng, tài sản, phương tiện hoặc chứng cứ của các hành vi phạm tội đó đang nằm tại Quốc gia thành viên được yêu cầu và có liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ thực hiện tương trợ pháp lý trong phạm vi khả năng của mình phù hợp với luật pháp, các hiệp ước, hiệp định và thoả thuận có liên quan của nước đó đối với các thủ tục điều tra, tố tụng và xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội mà một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý theo Điều 10 của Công ước này tại Quốc gia thành viên yêu cầu.

3. Có thể yêu cầu tương trợ pháp lý theo Điều này nhằm bất kỳ mục đích nào sau đây:

- (a) Lấy chứng cứ hoặc lời khai;
- (b) Thực hiện tống đạt giấy tờ tư pháp;
- (c) Thực hiện khám xét, tạm giữ, và niêm phong;
- (d) Khám nghiệm đồ vật và hiện trường;
- (e) Cung cấp thông tin, vật chứng và đánh giá của người giám định;
- (f) Cung cấp tài liệu và hồ sơ gốc hoặc đã được chứng thực, kể cả tài liệu của chính phủ, ngân hàng, các hồ sơ tài chính, các hồ sơ của nghiệp đoàn hoặc hồ sơ kinh doanh;
- (g) Nhận dạng hoặc phát hiện tài sản do phạm tội mà có, tài sản, công cụ hoặc các đồ vật khác để phục vụ mục đích thu thập chứng cứ;
- (h) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trình diện tự nguyện của những cá nhân liên quan tại Quốc gia yêu cầu;
- (i) Bất kỳ hình thức tương trợ nào khác không trái với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

4. Không làm phương hại tới pháp luật trong nước, các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên có thể, không cần báo trước, chuyển các thông tin liên quan đến vấn đề hình sự tới một cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia thành viên khác nếu họ tin rằng các thông tin đó có thể giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia kia trong việc thực hiện hoặc hoàn thành việc lấy lời khai và các thủ tục tố tụng hình sự hoặc có thể giúp Quốc gia thành viên kia thực hiện một yêu cầu phù hợp với Công ước này.

5. Việc chuyển thông tin theo Khoản 4 của Điều này sẽ không làm phương hại đến công việc lấy lời khai và các thủ tục tố tụng hình sự tại Quốc gia của các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin. Các cơ quan có thẩm quyền nhận thông tin sẽ tuân thủ yêu cầu về bảo mật, thậm chí tạm thời, hoặc hạn chế sử dụng thông tin đó. Tuy nhiên, điều này sẽ không ngăn cản Quốc gia thành viên nhận thông tin tiết lộ thông tin đó khi tiến hành các hoạt động tố tụng của mình nhằm bảo chữa cho một người bị

kết tội. Trong trường hợp này, Quốc gia thành viên nhận thông tin sẽ thông báo vấn đề này cho Quốc gia thành viên chuyển thông tin trước khi tiết lộ thông tin và sẽ tham khảo ý kiến Quốc gia thành viên chuyển giao thông tin nếu được yêu cầu như vậy. Trong trường hợp đặc biệt, nếu không thể thông báo trước thì Quốc gia thành viên nhận thông tin sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên chuyển thông tin về việc tiết lộ thông tin mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào.

6. Các quy định tại Điều này sẽ không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ theo bất kỳ điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương nào khác điều chỉnh hoặc sẽ điều chỉnh, toàn bộ hoặc một phần, vấn đề tương trợ pháp lý.

7. Các Khoản 9 đến 29 của Điều này sẽ áp dụng cho các yêu cầu tương trợ pháp lý được đưa ra phù hợp với Điều này nếu các Quốc gia thành viên liên quan không bị ràng buộc bởi một điều ước quốc tế khác về tương trợ pháp lý. Nếu các Quốc gia thành viên bị ràng buộc bởi một điều ước như vậy, các quy định phù hợp của điều ước đó sẽ được áp dụng trừ khi các Quốc gia thành viên đó đồng ý áp dụng các Khoản 9 đến 29 của Điều này thay cho các quy định của điều ước nói trên. Các Quốc gia thành viên được khuyến khích áp dụng các Khoản này nếu chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác giữa các Quốc gia thành viên.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ không từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này với lý do bảo mật ngân hàng.

9. Các Quốc gia thành viên có thể từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này với lý do không tồn tại trách nhiệm hình sự song song*. Tuy nhiên, nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu thấy thích hợp thì có thể thực hiện việc tương trợ pháp lý theo chừng mực tùy ý bất kể việc hành vi đó có thể cấu thành một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia đó hay không.

10. Một người đang bị giam giữ hoặc chấp hành án trên lãnh thổ của một Quốc gia thành viên cần phải trình diện tại một Quốc gia thành viên khác để nhận dạng, đưa ra lời khai hoặc trợ giúp trong việc thu thập chứng cứ cho các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh có thể được dẫn giải sang Quốc gia thành viên kia nếu đáp ứng các điều kiện sau:

(a) Được sự đồng ý của người đó;

(b) Các cơ quan có thẩm quyền của cả hai Quốc gia thành viên đồng ý, theo các điều kiện mà các Quốc gia thành viên đó thấy thích đáng.

11. Vì các mục đích nêu trong Khoản 10 của Công ước này:

(a) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ có thẩm quyền và nghĩa vụ giam giữ người đó, trừ khi Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi uỷ quyền hoặc yêu cầu khác ;

(b) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ không chậm trễ thực hiện nghĩa vụ trao trả người đó lại cho Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi như đã thoả thuận trước, hoặc theo thoả thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền của cả hai Quốc gia thành viên;

(c) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ không yêu cầu Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi phải tiến hành các thủ tục dẫn độ để trao trả lại người đó;

(d) Thời gian bị giam giữ của người đó tại Quốc gia thành viên nơi họ được dẫn giải tới sẽ được tính vào thời gian phạt tù mà họ phải chấp hành tại Quốc gia nơi họ được dẫn giải đi.

12. Trừ khi Quốc gia thành viên nơi một người được dẫn giải đi theo quy định tại Khoản 10 và 11 của Điều này đồng ý, người đó, bất kể có quốc tịch của nước nào, sẽ không bị truy tố, bắt giam, trừng phạt hoặc phải chịu bất kỳ sự hạn chế về tự do cá nhân nào tại lãnh thổ của Quốc gia nơi người đó được dẫn giải tới liên quan đến các hành vi mà người đó thực hiện trước khi rời khỏi lãnh thổ của Quốc gia nơi người đó được dẫn giải đi.

13. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương có trách nhiệm và quyền hạn nhận các yêu cầu tương trợ pháp lý và hoặc thực hiện các yêu cầu đó hoặc chuyển chúng cho các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Nếu một Quốc gia thành viên có một vùng hoặc lãnh thổ đặc biệt với hệ thống tương trợ pháp lý riêng biệt, thì Quốc gia đó có thể chỉ định một cơ quan trung ương chuyên biệt có chức năng tương tự cho vùng hoặc lãnh thổ đó. Các cơ quan trung ương sẽ đảm bảo việc thực hiện hoặc chuyển giao các yêu cầu tương trợ pháp lý mà cơ quan đó nhận được một cách hiệu quả và nhanh chóng. Nếu cơ quan trung ương chuyển giao yêu cầu tương trợ pháp lý cho một cơ quan có thẩm quyền thực hiện, cơ quan trung ương đó sẽ đốc thúc cơ quan này thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý nhanh chóng và có hiệu quả. Quốc gia thành viên sẽ thông báo về cơ quan trung ương được chỉ định nhằm thực hiện các nhiệm vụ nói trên cho Tổng thư ký Liên hợp quốc khi gửi lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập của mình đối với Công ước này. Các yêu cầu tương trợ pháp lý và bất kỳ thông tin nào liên quan đến các yêu cầu đó sẽ được chuyển đến các cơ quan trung ương mà Quốc gia thành viên đã chỉ định. Quy định này sẽ không làm phương hại đến quyền của một Quốc gia

thành viên đề nghị chuyển các yêu cầu và thông tin qua đường ngoại giao và trong các trường hợp khẩn cấp nếu các Quốc gia thành viên đồng ý, qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế, nếu có thể.

14. Các yêu cầu tương trợ pháp lý phải được viết bằng văn bản, hoặc nếu có thể, bằng bất kỳ phương tiện nào tạo ra được văn bản, được lập bằng ngôn ngữ mà Quốc gia thành viên được yêu cầu chấp thuận, theo các điều kiện cho phép Quốc gia thành viên đó có thể chứng thực nội dung của yêu cầu tương trợ pháp lý. Quốc gia thành viên phải thông báo về một hoặc nhiều ngôn ngữ mà Quốc gia đó có thể chấp thuận cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc khi gửi lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này. Trong các trường hợp khẩn cấp và nếu các Quốc gia thành viên đồng ý, các yêu cầu có thể được đưa ra bằng miệng, nhưng sẽ được khẳng định bằng văn bản ngay sau đó.

15. Một yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ bao gồm:

(a) Tên cơ quan yêu cầu;

(b) Vụ việc uỷ thác và thực trạng của quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử mà yêu cầu tương trợ pháp lý có liên quan và tên, chức năng của cơ quan tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử;

(c) Tóm tắt các sự kiện liên quan, trừ trường hợp các yêu cầu tương trợ liên quan đến việc tổng đạt giấy tờ tư pháp;

(d) Nội dung uỷ thác và các chi tiết về bất kỳ thủ tục đặc biệt nào mà Quốc gia thành viên yêu cầu muốn tuân thủ;

(e) Nếu có thể, nhận dạng, nơi ở và quốc tịch của bất kỳ người nào liên quan; và

(f) Mục đích của việc tìm bằng chứng, thông tin hoặc hành vi.

16. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể đề nghị được cung cấp thêm thông tin nếu những thông tin đó cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu phù hợp với pháp luật trong nước của quốc gia này hoặc những thông tin đó có thể tạo điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu.

17. Một yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ được thực hiện phù hợp với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu, và nếu có thể, phù hợp với các thủ tục được nêu trong yêu cầu trong chừng mực không trái với pháp luật trong nước của Quốc gia đó.

18. Khi một cá nhân đang cư trú trên lãnh thổ của một Quốc gia thành viên và phải đưa ra lời khai với tư cách là nhân chứng hoặc chuyên gia cho các cơ quan tư pháp của một Quốc gia thành viên khác, thì Quốc gia thành viên nơi người đó cư trú, theo yêu cầu của Quốc gia thành viên kia, nếu có thể và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, sẽ cho phép lấy lời khai qua băng vi-đê-ô nếu Quốc gia này không thể hoặc không muốn cá nhân đó trình diện trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu. Các Quốc gia thành viên sẽ đồng ý để cơ quan tư pháp của Quốc gia thành viên yêu cầu tiến hành lấy lời khai với sự chứng kiến của cơ quan tư pháp của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

19. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ không chuyển hoặc sử dụng thông tin hay chứng cứ mà Quốc gia thành viên được yêu cầu cung cấp nhằm phục vụ hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử vào những mục đích không được nêu trong yêu cầu mà không có sự đồng ý trước của Quốc gia đó. Không quy định nào trong Khoản này ngăn cản Quốc gia thành viên yêu cầu tiết lộ các thông tin hoặc chứng cứ trong khi tiến hành thủ tục tố tụng nhằm bào chữa cho bị cáo. Trong trường hợp này, Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên được yêu cầu trước khi đưa ra thông tin và bằng chứng và sẽ tham khảo ý kiến của Quốc gia thành viên được yêu cầu nếu Quốc gia này đề nghị như vậy. Trường hợp ngoại lệ, nếu không thể báo trước, Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên được yêu cầu về việc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào.

20. Quốc gia thành viên yêu cầu có thể đề nghị Quốc gia thành viên được yêu cầu giữ bí mật về sự việc và nội dung của yêu cầu, ngoại trừ trường hợp cần thiết để thực hiện yêu cầu đó. Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu không thể đáp ứng được đề nghị về bảo mật thì Quốc gia đó sẽ thông báo ngay lập tức cho Quốc gia thành viên yêu cầu.

21. Tương trợ pháp lý có thể bị từ chối:

(a) Nếu yêu cầu được đưa ra không phù hợp với các quy định tại Điều này;

(b) Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu có thể phương hại tới chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác của Quốc gia đó;

(c) Nếu pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu không cho phép các cơ quan chức năng của Quốc gia đó thực hiện các hoạt động theo yêu cầu liên quan đến bất kỳ hành vi phạm tội nào tương tự thuộc đối tượng điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quyền hạn của chính các cơ quan đó;

(d) Nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý là trái với hệ thống pháp luật của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

22. Các Quốc gia thành viên không thể từ chối một yêu cầu tương trợ pháp lý với lý do hành vi phạm tội liên quan tới các vấn đề tài chính.

23. Bất kỳ sự từ chối tương trợ pháp lý nào đều phải đưa ra lý do .

24. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý càng sớm càng tốt và sẽ lưu ý càng nhiều càng tốt đến bất kỳ thời hạn và lý do nào mà Quốc gia thành viên yêu cầu nêu ra trong yêu cầu. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ đáp ứng những yêu cầu chính đáng do Quốc gia thành viên yêu cầu đưa ra về tiến trình thực hiện yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo ngay lập tức cho Quốc gia thành viên được yêu cầu khi nào thì việc tương trợ không cần thiết nữa.

25. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể trì hoãn tương trợ pháp lý có thể bị hoãn lại bởi với lý do việc đó sẽ gây trở ngại cho các thủ tục điều tra, tố tụng hoặc xét xử đang tiến hành.

26. Trước khi từ chối một yêu cầu theo Khoản 21 của Điều này hoặc trì hoãn việc thực hiện yêu cầu theo Khoản 25 của Điều này, nếu thấy cần thiết, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tham khảo với Quốc gia thành viên yêu cầu xem việc tương trợ pháp lý có phụ thuộc vào các quy định nói trên hay không. Nếu Quốc gia thành viên yêu cầu chấp nhận rằng việc tương trợ pháp lý phụ thuộc vào các điều kiện đó thì Quốc gia đó phải tuân thủ các điều kiện ấy.

27. Không làm phương hại đến việc áp dụng Khoản 12 của Điều này, nhân chứng, người giám định hay một người nào khác, theo đề nghị của Quốc gia thành viên yêu cầu, đồng ý cung cấp chứng cứ trong một vụ kiện hoặc hỗ trợ các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trong lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hoặc chịu bất kỳ hình thức hạn chế tự do nào khác trong lãnh thổ của Quốc gia đó liên quan đến các hành vi được thực hiện trước khi ra khỏi lãnh thổ của Quốc gia thành viên được yêu cầu. Tình trạng an toàn này sẽ chấm dứt khi nhân chứng, người giám định hoặc một người nào khác, trong vòng 15 ngày liên tục hoặc trong một thời gian được thoả thuận giữa các Quốc gia thành viên từ ngày người đó được chính thức thông báo rằng các cơ quan xét xử không yêu cầu người đó phải có mặt nữa, đã có cơ hội ra khỏi nhưng vẫn tự nguyện ở lại trong lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu, hoặc đã rời khỏi lãnh thổ Quốc gia đó nhưng lại quay trở lại theo ý nguyện của chính họ.

28. Các chi phí thông thường của việc thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ do Quốc gia thành viên được yêu cầu chi trả, trừ khi có thoả thuận khác giữa các Quốc gia thành viên liên quan. Nếu cần phải có chi phí cho một công việc thực chất hoặc đặc biệt để thực hiện yêu cầu thì các Quốc gia thành viên sẽ tham khảo để quyết định các điều kiện, theo đó yêu cầu sẽ được thực hiện cũng như cách thức thanh toán chi phí.

29. Quốc gia thành viên được yêu cầu:

(a) Sẽ cung cấp cho Quốc gia thành viên yêu cầu bảo sao các hồ sơ của Chính phủ, các tài liệu hoặc thông tin mình có mà theo pháp luật trong nước chúng có tính chất công khai;

(b) Sẽ tùy ý cung cấp cho Quốc gia thành viên yêu cầu toàn bộ, một phần hoặc với những điều kiện thích đáng bản sao các hồ sơ của Chính phủ, các tài liệu hoặc thông tin mình có mà theo pháp luật trong nước chúng không có tính chất công khai.

30. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét, nếu cần thiết, khả năng ký kết các thoả thuận song phương hoặc đa phương nhằm phục vụ các mục đích hay đem lại hiệu quả thực tế hoặc củng cố các quy định của Điều này.

Điều 19

Phối hợp điều tra

Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các thoả thuận song phương hoặc đa phương làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan thiết lập cơ chế phối hợp điều tra về những vấn đề là đối tượng của các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử tại một hay nhiều Quốc gia. Nếu không có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy, thì việc phối hợp điều tra có thể được thực hiện dựa trên thoả thuận theo từng vụ việc. Các Quốc gia thành viên liên quan sẽ đảm bảo rằng chủ quyền của Quốc gia thành viên trong phạm vi lãnh thổ của Quốc gia đó, nơi việc điều tra được tiến hành, sẽ hoàn toàn được tôn trọng.

Điều 20

Các kỹ thuật điều tra đặc biệt

1. Nếu các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật trong nước cho phép, trong phạm vi khả năng của mình và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong lãnh thổ của mình áp dụng hợp lý việc vận chuyển có kiểm soát và, nếu thích hợp, áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khác, như điện tử hoặc các hình thức giám sát và hoạt động đặc tình khác nhằm đấu tranh chống tội phạm có tổ chức được hiệu quả.

2. Nhằm mục đích điều tra các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này và nếu cần thiết, các Quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương thích hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khi hợp tác ở cấp quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy sẽ được ký kết và thực hiện phù hợp với nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các Quốc gia và sẽ được thực hiện hoàn toàn phù hợp với các quy định của các hiệp định hoặc thoả thuận đó.

3. Nếu không có một hiệp định hay thoả thuận như được nêu trong Khoản 2 của Điều này, quyết định sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt ở cấp độ quốc tế nói trên sẽ được đưa ra trên cơ sở từng vụ việc và, nếu cần có thể xem xét các thoả thuận về tài chính liên quan đến việc thực hiện quyền tài phán của các Quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định sử dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở mức độ quốc tế, theo sự đồng ý của các Quốc gia thành viên liên quan, sẽ bao gồm các phương pháp như chặn lại và cho phép hàng hoá tiếp tục được giữ nguyên hoặc huỷ bỏ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.

Điều 21

Chuyển giao vụ kiện hình sự

Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng chuyển giao vụ kiện để truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh trong trường hợp việc chuyển giao đó được coi là vì lợi ích của việc thi hành công lý, đặc biệt là trong các vụ việc có sự trùng lặp về thẩm quyền để việc truy tố tội phạm có tính tập trung vào.

Điều 22

Thiết lập hồ sơ tội phạm

Mỗi Quốc gia thành viên có thể ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác, theo những điều kiện và vì những mục đích mà Quốc gia đó thấy phù hợp, để xem xét bất kỳ bản án nào trước đó ở một Quốc gia khác đối với một bị cáo với mục đích sử dụng thông tin đó trong thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

Điều 23

Hình sự hoá hành vi cản trở công lý

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác để coi là tội phạm đối với các hành vi cố ý thực hiện:

(a) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ kiện liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này;

(b) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc hành pháp liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này. Không một quy định nào trong Đoạn này làm phương hại tới quyền của các Quốc gia thành viên ban hành các quy định pháp luật để bảo vệ các loại viên chức khác.

Điều 24

Bảo vệ nhân chứng

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp phù hợp theo khả năng của mình để bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự một cách hiệu quả khỏi nguy cơ bị trả thù hoặc đe dọa khi họ cung cấp chứng cứ liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, và nếu cần thiết, bảo vệ họ hàng hay những người thân thích của họ.

2. Không làm phương hại tới các quyền của bị cáo, trong đó có quyền khiếu kiện chính đáng, các biện pháp được quy định tại Khoản 1 của Điều này có thể bao gồm nhưng không giới hạn những biện pháp sau:

(a) Thiết lập các thủ tục để bảo vệ về mặt thân thể cho những người nói trên, ví dụ như, trong chừng mực cần thiết và khả thi, thay đổi chỗ ở của họ và, nếu thích hợp, cấm hoặc hạn chế tiết lộ thông tin liên quan đến nhận dạng và chỗ ở của những người đó;

(b) Quy định các quy tắc về thu thập chứng cứ để có thể lấy được lời khai của nhân chứng mà vẫn đảm bảo được an toàn cho họ, như cho phép lấy lời khai thông qua việc sử dụng kỹ thuật thông tin như kết nối vi-đê-ô hoặc các biện pháp thích hợp khác.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận với các Quốc gia khác để thay đổi chỗ ở của những người như được nêu trong Khoản 1 của Điều này.

4. Các quy định của Điều này cũng sẽ áp dụng cho các nạn nhân khi họ đồng thời là nhân chứng.

Điều 25

Hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp phù hợp trong khả năng của mình để hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, đặc biệt là trong các trường hợp bị đe dọa trả thù hoặc hăm dọa.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thiết lập các thủ tục cần thiết để đền bù và bồi thường cho nạn nhân của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

3. Mỗi Quốc gia thành viên, theo pháp luật trong nước của nước mình, sẽ để các ý kiến và mối quan tâm của nạn nhân được trình bày và được xem xét trong những giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng chống bị cáo theo cách không làm phương hại tới các quyền bào chữa.

Điều 26

Các biện pháp tăng cường hợp tác với các cơ quan hành pháp

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để khuyến khích những người tham gia hoặc đã tham gia vào các nhóm tội phạm có tổ chức:

(a) Cung cấp thông tin hữu hiệu cho các cơ quan có thẩm quyền cho các mục đích điều tra và thu thập chứng cứ về những vấn đề như:

(i) Nhận dạng, bản chất, cấu thành, cơ cấu, vị trí hay các hoạt động của các nhóm tội phạm có tổ chức;

(ii) Các mối liên hệ, bao gồm các mối liên hệ quốc tế, với các nhóm tội phạm có tổ chức khác;

(iii) Các hành vi phạm tội mà các nhóm tội phạm có tổ chức đã thực hiện hoặc có thể thực hiện;

(b) Giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền một cách thực chất và cụ thể để góp phần thu lại các cơ sở vật chất và tài sản do phạm tội mà có của các nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Mỗi Quốc gia thành viên, trong những trường hợp thích đáng, sẽ xem xét khả năng giảm hình phạt đối với người bị kết án nhưng đã hợp tác một cách hiệu quả trong việc điều tra hoặc truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

3. Mỗi Quốc gia thành viên, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, sẽ xem xét khả năng miễn tố đối với người đã hợp tác hiệu quả trong việc điều tra hoặc truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

4. Việc bảo vệ những người nói trên sẽ được quy định tại Điều 18 của Công ước này.

5. Nếu một người như được nêu trong Khoản 1 của Điều này đang cư trú tại một Quốc gia thành viên có thể hợp tác một cách có hiệu quả với các cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia thành viên khác, thì các Quốc gia thành viên liên quan có thể xem xét ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận, phù hợp với pháp luật trong nước của mình về các quy định có thể có của một Quốc gia thành viên khác liên quan đến sự đối xử được nêu trong Khoản 2 và 3 của Điều này.

Điều 27

Hợp tác hành pháp

1. Phù hợp với hệ thống pháp luật và hành chính của nước mình, Các Quốc gia thành viên sẽ hợp tác một cách chặt chẽ với một Quốc gia thành viên khác để tăng cường hiệu quả của hoạt động hành pháp nhằm đấu tranh chống lại các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Đặc biệt, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp hiệu quả để:

(a) Tăng cường và, nếu cần thiết, thiết lập các kênh thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và dịch vụ của nước mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi nhanh chóng và an toàn các thông tin liên quan tới mọi khía cạnh của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, bao gồm các mối liên hệ với những hoạt động phạm tội khác, nếu các Quốc gia thành viên thấy thích hợp;

(b) Hợp tác với các Quốc gia thành viên khác trong việc thực hiện thẩm vấn đối với các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh liên quan đến:

- (i) Nhận dạng, chỗ ở và các hoạt động của những người bị tình nghi có liên quan các hành vi phạm tội nói trên hoặc chỗ ở của những người khác liên quan;
 - (ii) Việc chuyển dịch tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản có nguồn gốc từ việc thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;
 - (iii) Việc chuyển dịch tài sản, thiết bị hay các phương tiện khác được sử dụng hoặc dự định được sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;
 - (c) Cung cấp, nếu thích hợp, các thiết bị hoặc các đồ dùng cần thiết cho các mục đích phân tích hoặc điều tra;
 - (d) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác có hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và dịch vụ của nước mình và tăng cường trao đổi nhân sự và các chuyên gia khác, bao gồm việc bố trí các cán bộ giao dịch, theo các hiệp định hoặc thoả thuận song phương giữa các Quốc gia thành viên liên quan;
 - (e) Trao đổi thông tin với các Quốc gia thành viên khác về các biện pháp và phương thức cụ thể được các nhóm tội phạm có tổ chức sử dụng, bao gồm lộ trình, phương tiện vận chuyển và việc sử dụng các thẻ căn cước giả, các tài liệu bị thay đổi hoặc làm giả hoặc các phương thức khác để che dấu các hoạt động của các nhóm tội phạm đó, nếu có thể.
2. Nhằm đem lại hiệu quả cho Công ước này, các Quốc gia thành viên sẽ xem xét ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương về hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan hành pháp của các nước đó và sửa đổi các hiệp định và thoả thuận nói trên nếu chúng đã được ký kết. Nếu không có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy giữa các Quốc gia thành viên liên quan thì các Thành viên có thể coi Công ước này như là cơ sở cho việc hợp tác hành pháp liên quan đến những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Bất kỳ khi nào thích hợp, các Quốc gia thành viên sẽ tận dụng tối đa các hiệp định hoặc thoả thuận này, bao gồm cả các tổ chức quốc tế và khu vực, nhằm tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hành pháp của họ.
3. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực hợp tác trong phạm vi khả năng của mình để chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng kỹ thuật hiện đại.

Điều 28

Thu thập, trao đổi và phân tích thông tin về tính chất của tội phạm có tổ chức

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc phân tích, có sự tư vấn của các cộng đồng khoa học và nghiên cứu, các xu hướng của tội phạm có tổ chức trong lãnh thổ của mình, các hoàn cảnh thực hiện tội phạm, cũng như các nhóm chuyên nghiệp và công nghệ có liên quan.
2. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc phát triển và trao đổi chuyên môn liên quan đến các hoạt động của tội phạm có tổ chức với nhau và thông qua các tổ chức quốc tế và khu vực. Để đạt được mục đích này, các định nghĩa, các tiêu chuẩn và phương pháp luận chung sẽ được xây dựng và áp dụng khi thích hợp.
3. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc theo dõi các chính sách và các biện pháp thực thi của mình để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và đánh giá hiệu quả và tác dụng của chúng.

Điều 29

Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

1. Mỗi Quốc gia thành viên, trong chừng mực cần thiết, sẽ khởi xướng, xây dựng hoặc phát triển một chương trình đào tạo đặc biệt cho các cán bộ hành pháp, bao gồm công tố viên, điều tra viên, các cán bộ hải quan và những người khác có trách nhiệm trong việc phòng chống, phát hiện và kiểm soát các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Những chương trình đó có thể bao gồm gửi biệt phái hoặc trao đổi nhân viên. Trong chừng mực pháp luật trong nước cho phép, những chương trình đó cụ thể sẽ hướng dẫn về:
 - (a) Các phương thức được sử dụng trong việc phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh;
 - (b) Các lộ trình và các công nghệ mà những người bị tình nghi có liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh sử dụng, bao gồm cả việc quá cảnh qua các Quốc gia, và các biện pháp đối phó thích hợp;
 - (c) Theo dõi sự vận chuyển hàng buôn lậu;

(d) Phát hiện và theo dõi việc vận chuyển tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hay các phương tiện và phương thức khác được sử dụng để di chuyển, che giấu hoặc ngụy trang các tài sản, thiết bị, hoặc phương tiện đó, cũng như các phương thức được sử dụng để đấu tranh chống rửa tiền và các tội phạm tài chính khác;

(e) Thu thập chứng cứ;

(f) Kiểm soát công nghệ trong các khu vực tự do thương mại và tự do cầu cảng;

(g) Các thiết bị và kỹ thuật hành pháp hiện đại, bao gồm theo dõi điện tử, chuyển giao có kiểm soát và các hoạt động bí mật khác;

(h) Các phương thức được sử dụng để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng máy vi tính, các mạng lưới viễn thông hay các công nghệ hiện đại khác; và

(i) Các phương thức được sử dụng trong việc bảo vệ nạn nhân và nhân chứng.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ giúp đỡ một Quốc gia khác trong việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình nghiên cứu và đào tạo nhằm trao đổi chuyên môn trong các lĩnh vực được nêu tại Khoản 1 của Điều này và để làm được điều đó, các Quốc gia khi thích hợp cũng sẽ sử dụng các hội nghị và hội thảo khu vực và quốc tế để tăng cường hợp tác và để khuyến khích trao đổi về những vấn đề cùng quan tâm, bao gồm những vấn đề và nhu cầu đặc biệt của các Quốc gia đang trong giai đoạn chuyển tiếp.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ tăng cường hỗ trợ về đào tạo và kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho việc dẫn độ tội phạm và tương trợ pháp lý. Sự hỗ trợ về đào tạo và kỹ thuật đó có thể bao gồm đào tạo về ngôn ngữ, gửi biệt phái và trao đổi nhân sự trong các cơ quan trung ương hoặc các tổ chức với các cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp đã ký các hiệp định hoặc thoả thuận song phương và đa phương, các Quốc gia thành viên, trong chừng mực cần thiết, sẽ tăng cường nỗ lực để tối đa hoá các hoạt động điều hành và đào tạo trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế và khu vực và trong khuôn khổ các hiệp định và thoả thuận song phương và đa phương phù hợp.

Điều 30

Các biện pháp khác: thực hiện Công ước thông qua phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật

1. Các Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp có lợi cho việc thực hiện tối ưu Công ước này với chừng mực có thể, thông qua hợp tác quốc tế, có chú ý đến các tác động tiêu cực của tội phạm có tổ chức đối với xã hội nói chung, đặc biệt là đối với phát triển lâu dài.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực cộng tác với nhau cũng như với các tổ chức quốc tế và khu vực trong chừng mực có thể để:

(a) Thúc đẩy hợp tác ở mọi cấp độ với các nước đang phát triển, đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường khả năng của các nước đang phát triển trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;

(b) Tăng cường trợ giúp tài chính và vật chất để hỗ trợ cho những nỗ lực của các nước đang phát triển trong việc đấu tranh chống tội phạm có tổ chức một cách hiệu quả và giúp các nước này thực hiện Công ước thành công;

(c) Hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển tiếp để giúp đỡ những nước này đáp ứng được các yêu cầu nhằm thực hiện Công ước. Để đạt được mục đích đó, các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng đóng góp tự nguyện đầy đủ và thường xuyên cho một tài khoản dành riêng vào mục đích nói trên thuộc cơ chế tài trợ của Liên hợp quốc. Phù hợp với pháp luật trong nước và các quy định của Công ước này, Các Quốc gia thành viên cũng có thể chú trọng xem xét việc đóng góp vào tài khoản nói trên một phần tiền hoặc phần giá trị tương đương của tài sản do phạm tội mà có hoặc do tài sản tịch thu được theo các quy định của Công ước này;

(d) Khuyến khích và thuyết phục các Quốc gia khác và các thể chế tài chính thích hợp cùng nỗ lực tham gia các hoạt động theo Điều này, cụ thể là cung cấp thêm các chương trình đào tạo và thiết bị hiện đại cho các nước đang phát triển để hỗ trợ họ trong việc đạt được những mục tiêu của Công ước này.

3. Trong chừng mực có thể, các biện pháp này sẽ không làm phương hại tới các cam kết hỗ trợ của nước ngoài hoặc tới các thoả thuận hợp tác tài chính khác ở các cấp độ song phương, khu vực và quốc tế.

4. Các Quốc gia thành viên có thể ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc hỗ trợ vật chất và hậu cần, có xem xét đến những thoả thuận tài chính cần thiết để các biện

pháp hợp tác quốc tế quy định trong Công ước này được thực hiện một cách có hiệu quả và để phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 31

Phòng ngừa

1. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực phát triển, đánh giá các dự án quốc gia và thiết lập, thúc đẩy các hoạt động và chính sách tối ưu nhằm phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, giảm thiểu các cơ hội hiện có hoặc sẽ có mà các nhóm tội phạm có tổ chức có thể lợi dụng để tham gia vào thị trường hợp pháp với số tài sản do phạm tội mà có, thông qua các biện pháp lập pháp, hành pháp hoặc các biện pháp khác. Các biện pháp này sẽ tập trung vào việc:

(a) Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hành pháp hoặc cơ quan công tố và các thực thể tư nhân liên quan, bao gồm cả ngành công nghiệp;

(b) Thúc đẩy việc xây dựng các tiêu chuẩn và thủ tục để bảo vệ tính chính trực của quần chúng và các thực thể tư nhân liên quan, cũng như các quy tắc ứng xử cho các ngành nghề liên quan, đặc biệt là luật sư, công chứng viên, chuyên viên tư vấn về thuế và kế toán;

(c) Ngăn ngừa việc các nhóm tội phạm có tổ chức lợi dụng các thủ tục đấu thầu do các cơ quan nhà nước tiến hành và vốn trợ cấp cùng với giấy phép mà các cơ quan này cấp các hoạt động thương mại;

(d) Ngăn ngừa việc các nhóm tội phạm có tổ chức lợi dụng các pháp nhân, những biện pháp này có thể bao gồm:

(i) Lập hồ sơ công khai về các pháp nhân và thể nhân tham gia vào việc tổ chức, quản lý và tài trợ cho pháp nhân;

(ii) Có thể bằng lệnh của tòa án hoặc bằng bất kỳ biện pháp thích hợp nào khác, không cho những người đã bị kết án về những hành vi phạm tội mà Công ước này điều chỉnh giữ chức vụ giám đốc các pháp nhân đã được thành lập trong phạm vi quyền hạn của họ trong một thời gian thích đáng;

(iii) Lập các hồ sơ quốc gia về những người không được giữ chức vụ giám đốc của các pháp nhân; và

(iv) Trao đổi thông tin trong các hồ sơ nêu tại các Điểm (d) (i) và (iii) của Mục này với các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia thành viên khác.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng tăng cường việc tái hoà nhập vào cộng đồng những người đã bị kết án về các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

4. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng đánh giá định kỳ các văn bản pháp lý liên quan và thực tiễn thi hành hiện có nhằm phát hiện ra những thiếu sót mà các nhóm tội phạm có tổ chức có thể lợi dụng.

5. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng nâng cao nhận thức của người dân về sự tồn tại, nguyên nhân, tính nghiêm trọng và mối đe dọa của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Các thông tin có thể được phổ biến tuyên truyền một cách phù hợp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và sẽ bao gồm các biện pháp để tăng cường khả năng tham gia của dân chúng vào việc phòng ngừa và đấu tranh chống lại tội phạm này.

6. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc về tên và địa chỉ của các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền có thể hỗ trợ các Quốc gia thành viên khác trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

7. Các Quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ cộng tác với nhau và với các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan trong việc tăng cường và xây dựng các biện pháp như được nêu trong Điều này. Sự cộng tác này sẽ bao gồm việc tham gia vào các dự án quốc tế nhằm phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ví dụ như bằng cách giảm những khả năng có thể làm cho các nhóm dân cư lạc hậu dễ bị ảnh hưởng bởi hoạt động của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 32

Hội nghị các Thành viên của Công ước

1. Hội nghị các Thành viên của Công ước được tổ chức nhằm tăng cường khả năng của các Quốc gia thành viên trong việc đấu tranh chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và nhằm thúc đẩy và xem xét việc thực hiện Công ước này.

2. Không quá một năm kể từ khi Công ước bắt đầu có hiệu lực, Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ triệu tập Hội nghị các Thành viên của Công ước. Hội nghị các Thành viên của Công ước sẽ thông qua những quy tắc về thủ tục và những quy tắc điều chỉnh các hoạt động được nêu trong Khoản 3 và 4 của Điều này

(bao gồm các quy tắc liên quan đến việc thanh toán chi phí phát sinh trong việc thực hiện các hoạt động này).

3. Hội nghị các Thành viên sẽ thoả thuận về các cơ chế để đạt được những mục tiêu được nêu trong Khoản 1 của Điều này, bao gồm:

- (a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các Quốc gia thành viên như được nêu trong các Điều 29, 30 và 31 của Công ước này, bao gồm việc khuyến khích và huy động sự đóng góp tự nguyện;
- (b) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Quốc gia thành viên về các loại hình và xu hướng của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và về những thực tiễn thành công để đấu tranh chống loại tội phạm này;
- (c) Hợp tác với các tổ chức quốc tế và khu vực và các tổ chức phi chính phủ liên quan.
- (d) Xem xét định kỳ việc thực hiện Công ước này;
- (e) Đưa ra các đề xuất để hoàn thiện Công ước và việc thực hiện Công ước.

4. Vì mục đích của các quy định tại Khoản 3 (d) và (e) của Điều này, Hội nghị các Thành viên phải nắm được những thông tin cần thiết về các biện pháp mà các quốc gia tiến hành trong khi thực hiện Công ước và những khó khăn nảy sinh trong quá trình đó, thông qua các thông tin do Quốc gia thành viên cung cấp và qua các cơ chế xem xét bổ sung mà Hội nghị các Thành viên thiết lập.

5. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Hội nghị của các Thành viên thông tin về các chương trình, kế hoạch và thực tiễn của nước mình, cũng như các biện pháp lập pháp và hành pháp để thực hiện Công ước, khi được Hội nghị của các Thành viên yêu cầu.

Điều 33

Ban thư ký

1. Tổng thư ký của Liên hợp quốc sẽ cung cấp những dịch vụ thư ký cần thiết cho Hội nghị các Thành viên của Công ước.

2. Ban thư ký sẽ:

- (a) Giúp Hội nghị các Thành viên thực hiện các hoạt động như được nêu trong Điều 32 của Công ước, sắp xếp và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các kỳ họp của Hội nghị các Thành viên;
- (b) Khi được yêu cầu, hỗ trợ các Quốc gia thành viên trong việc cung cấp thông tin cho Hội nghị của các Thành viên như được nêu trong Điều 32 Khoản 5 của Công ước; và
- (c) Bảo đảm việc cộng tác cần thiết với ban thư ký của các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan.

Điều 34

Thực hiện Công ước

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, bao gồm các biện pháp lập pháp và hành pháp, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật pháp của nước mình, để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Công ước này.

2. Các hành vi phạm tội được quy định tại các Điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này sẽ được quy định một cách độc lập trong pháp luật trong nước của mỗi Quốc gia thành viên về bản chất xuyên quốc gia hay tính liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức như được nêu trong Khoản 1 Điều 3 của Công ước này, ngoại trừ trong chừng mực Điều 5 của Công ước này đòi hỏi phải có sự tham gia của một nhóm tội phạm có tổ chức.

3. Mỗi Quốc gia thành viên có thể áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt hoặc chặt chẽ hơn so với những biện pháp được quy định tại Công ước này nhằm phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 35

Giải quyết tranh chấp

1. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này thông qua thương lượng.
2. Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hay nhiều Quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng trong một thời gian thích hợp thì theo đề nghị của một trong các Quốc gia thành viên nói trên sẽ được giải quyết bằng trọng tài. Nếu, sáu tháng sau khi có đề nghị giải quyết bằng trọng tài, các Quốc gia thành viên nói trên không thể thoả thuận về tổ chức của cơ quan trọng tài, thì bất kỳ một trong số các Quốc gia thành viên đó có thể đề nghị đưa tranh chấp ra Tòa án quốc tế phù hợp với Quy chế của Tòa án.
3. Mỗi Quốc gia thành viên, khi ký, phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt, hoặc gia nhập Công ước này, có thể tuyên bố rằng Quốc gia đó không bị ràng buộc bởi Khoản 2 của Điều này. Các Quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc bởi Khoản 2 của Điều này đối với bất kỳ Quốc gia thành viên nào đã đưa ra một bảo lưu như vậy.
4. Bất kỳ Quốc gia thành viên nào đã đưa ra một bảo lưu phù hợp với Khoản 3 của Điều này có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, rút bảo lưu đó bằng cách thông báo cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

Điều 36

Ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt và gia nhập

1. Công ước này sẽ được để ngỏ cho tất cả các Quốc gia ký từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 12 năm 2000 tại Pa-léc-mô, I-ta-li-a, và sau đó tại Trụ sở của Liên hợp quốc ở Nữu-ước cho đến ngày 12 tháng 12 năm 2002.
2. Công ước này sẽ được để ngỏ cho các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực ký với điều kiện có ít nhất một Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã ký Công ước này phù hợp với Khoản 1 của Điều này.
3. Công ước này phải được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt. Các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực có thể nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt của mình nếu có ít nhất một Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã làm như vậy. Trong văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt đó, tổ chức nói trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ thay đổi thích hợp nào về phạm vi thẩm quyền của mình.
4. Công ước này được để ngỏ cho bất kỳ Quốc gia nào hay bất kỳ tổ chức hội nhập kinh tế khu vực nào có ít nhất một Quốc gia thành viên là thành viên của Công ước này gia nhập. Các văn kiện gia nhập sẽ được gửi lưu chiểu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Khi gia nhập, tổ chức nói trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ thay đổi thích hợp nào về phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 37

Quan hệ với các nghị định thư

1. Công ước này được đi kèm với một hay nhiều nghị định thư.
2. Để trở thành Thành viên của một nghị định thư, một Quốc gia hoặc một tổ chức hội nhập kinh tế khi vực cũng phải là Thành viên của Công ước này.
3. Một Quốc gia thành viên của Công ước này không bị ràng buộc bởi một nghị định thư trừ khi Quốc gia đó trở thành Thành viên của nghị định thư đó phù hợp với các quy định của nghị định thư.
4. Bất kỳ nghị định thư nào của Công ước này sẽ được giải thích cùng với Công ước, có tính đến mục đích của nghị định thư đó.

Điều 38

Bắt đầu có hiệu lực

1. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ chín mươi sau ngày nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập thứ bốn mươi. Vì mục đích của Khoản này, bất kỳ văn kiện nào được gửi lưu chiểu bởi một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực sẽ không được tính cộng thêm vào các văn kiện đã được gửi lưu chiểu bởi các Quốc gia thành viên của tổ chức đó.

2. Đối với mỗi Quốc gia hoặc tổ chức hội nhập kinh tế khu vực phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này sau khi văn kiện thứ bốn mươi được gửi lưu chiếu, Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi sau ngày gửi lưu chiếu văn kiện phù hợp của Quốc gia hay tổ chức đó.

Điều 39

Sửa đổi

1. Sau khi kết thúc thời gian năm năm kể từ khi bắt đầu có hiệu lực của Công ước, một Quốc gia thành viên có thể đề xuất sửa đổi và gửi tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc, Tổng thư ký của Liên hợp quốc sau đó sẽ chuyển đề nghị sửa đổi này cho các Quốc gia thành viên và Hội nghị các Thành viên của Công ước để xem xét và quyết định về đề nghị đó. Hội nghị các Thành viên sẽ cố gắng hết sức để đạt được sự đồng thuận về mỗi sửa đổi. Nếu mọi cố gắng để đạt được sự đồng thuận đã được thực hiện mà không đạt được thoả thuận nào thì việc sửa đổi sẽ chỉ được thông qua với hai phần ba số phiếu của các Quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại cuộc họp trong Hội nghị của các Thành viên, như một biện pháp cuối cùng.

2. Các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực, đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, sẽ thực hiện quyền bỏ phiếu của mình với số phiếu bằng số lượng thành viên của các tổ chức đó là các Quốc gia thành viên của Công ước này. Các tổ chức như vậy sẽ không thực hiện quyền bỏ phiếu của mình nếu các Quốc gia thành viên của các tổ chức đó đã thực hiện quyền bỏ phiếu của họ và ngược lại.

3. Một sửa đổi được thông qua phù hợp với Khoản 1 của Điều này phải được các Quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

4. Một sửa đổi được thông qua phù hợp với Khoản 1 của Điều này sẽ bắt đầu có hiệu lực đối với một Quốc gia thành viên sau chín mươi ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt đối với sửa đổi đó được gửi lưu chiếu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

5. Khi một sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, sửa đổi đó sẽ ràng buộc các Quốc gia thành viên đã đồng ý chịu sự ràng buộc của sửa đổi đó. Các Quốc gia thành viên khác sẽ vẫn bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước này và bất kỳ sửa đổi nào trước đó mà họ đã phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

Điều 40

Rút khỏi Công ước

1. Một Quốc gia thành viên có thể rút khỏi Công ước này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Việc rút khỏi Công ước đó sẽ bắt đầu có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký nhận được thông báo.

2. Một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực sẽ chấm dứt tư cách thành viên của mình đối với Công ước này khi tất cả Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã rút khỏi Công ước.

3. Việc rút khỏi Công ước này phù hợp với Khoản 1 của Điều này sẽ cũng có nghĩa là rút khỏi bất kỳ Nghị định thư nào của Công ước.

Điều 41

Cơ quan lưu chiếu và ngôn ngữ

1. Tổng thư ký của Liên hợp quốc là người được chỉ định giữ lưu chiếu Công ước này.

2. Bản gốc của Công ước này, được làm bằng tiếng A-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, các văn bản đều có giá trị như nhau, sẽ được gửi lưu chiếu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

Để làm bằng, những người toàn quyền ký dưới đây được các Chính phủ uỷ quyền, đã ký Công ước này.